Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
04.08.2023 11:22:49 +07:00

| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 2454 /KH-UBND | *Tây Ninh, ngày 04 tháng 8 năm 2023* |

# KẾ HOẠCH
## Triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025

Thực hiện Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án thực hiện Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025, như sau:

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu chung

Phát triển sản phẩm OCOP nhằm khơi dậy tiềm năng, lợi thế khu vực nông thôn nhằm nâng cao thu nhập cho người dân; góp phần tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ và du lịch nông thôn; thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững, trên cơ sở tăng cường ứng dụng chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn, bảo tồn các giá trị văn hóa, quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan và môi trường nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới (NTM) đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững.

#### 2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025, phấn đấu toàn tỉnh có từ 100-120 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao trở lên, trong đó phấn đấu 02-03 sản phẩm tiềm năng 5 sao đề nghị trung ương đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP Quốc gia.

Củng cố và nâng cấp ít nhất 50% sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng; ưu tiên phát triển sản phẩm OCOP gắn với thương hiệu sản phẩm, phát triển dịch vụ du lịch nông thôn.

Ưu tiên phát triển các Hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp nhỏ và vừa, phấn đấu ít nhất có 40% chủ thể OCOP là HTX, 30% chủ thể là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Có ít nhất 30% các chủ thể OCOP xây dựng được chuỗi giá trị theo hướng kinh tế tuần hoàn, OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu ổn định; trong đó ưu tiên các sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng.

Có ít nhất 50% nghề truyền thống có sản phẩm OCOP, góp phần bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn.

Có ít nhất 50% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử...).

100% cán bộ quản lý nhà nước Chương trình OCOP cấp huyện, xã; các chủ thể doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức các chuyên đề về Chương trình OCOP.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung – cầu sản phẩm OCOP trong và ngoài tỉnh; phấn đấu có 01 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh.

## II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ YÊU CẦU THỰC HIỆN

### 1. Phạm vi thực hiện

Phạm vi về không gian: Chương trình OCOP được triển khai trên địa bàn toàn tỉnh.

Phạm vi về thời gian: Chương trình OCOP được triển khai thực hiện đến hết năm 2025.

### 2. Đối tượng thực hiện

Chủ thể thực hiện: các HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh. Đối với nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch, chủ thể, bao gồm: các đối tượng trên và các hội/hiệp hội, Trung tâm điều hành hoặc tổ chức tương đương.

Sản phẩm: gồm các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ du lịch có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị văn hóa, lợi thế của địa phương; đặc biệt là các sản phẩm đặc sản vùng miền, sản phẩm làng nghề, dịch vụ du lịch dựa trên các thế mạnh, lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn nguyên liệu, tri thức và văn hóa bản địa.

Sản phẩm được phân theo 6 nhóm, gồm:

- Nhóm thực phẩm, gồm: nông, thủy sản tươi sống; nông, thủy sản sơ chế, chế biến và các thực phẩm khác.

- Nhóm đồ uống, gồm: đồ uống có cồn; đồ uống không cồn.

- Nhóm dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, gồm: sản phẩm chức năng, thuốc dược liệu, thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm có thành phần từ thảo dược, tinh dầu và dược liệu khác.

- Nhóm hàng thủ công mỹ nghệ, gồm: các sản phẩm từ gỗ, sợi tự nhiên, kim loại, gốm sứ, dệt may, thêu ren... làm đồ lưu niệm, đồ trang trí, đồ gia dụng.

- Nhóm sinh vật cảnh, gồm: hoa, cây cảnh, động vật cảnh.

- Nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

**3. Yêu cầu thực hiện**

Phát huy tiềm năng, lợi thế và truyền thống của địa phương để phát triển các sản phẩm đặc sản có giá trị cao về kinh tế và văn hóa.

Phát huy sáng tạo và sức mạnh cộng đồng trong sản xuất và hình thành các sản phẩm gắn với giá trị cộng đồng.

Phát triển liên kết theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng lực sản xuất và phát triển bền vững các sản phẩm hàng hóa.

## III. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

**1. Kiện toàn hệ thống quản lý, điều hành thực hiện Chương trình OCOP toàn tỉnh**

Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức thực hiện Chương trình các cấp theo hướng kế thừa và phát triển trên cơ sở bộ máy đã được xây dựng giai đoạn 2016-2020 đảm bảo đồng bộ, thống nhất về vị trí, chức năng, nhiệm vụ; rà soát, kiện toàn Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP và Tổ tư vấn Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP để đảm bảo công tác đánh giá đạt hiệu quả, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế.

**2. Tổ chức sản xuất gắn với phát triển vùng nguyên liệu đặc trưng**

Ưu tiên đầu tư hợp lý cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu, dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, văn hóa, tập quán sản xuất của người dân khu vực nông thôn góp phần phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát triển sản phẩm OCOP gắn với xây dựng vùng nguyên liệu nông sản, dược liệu đặc trưng được cấp mã số vùng trồng, theo hướng sản xuất hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, tiết kiệm tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, đảm bảo an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, duy trì cảnh quan nông thôn và bảo vệ môi trường.

Tăng cường liên kết bền vững, khả năng truy xuất nguồn gốc giữa chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP với vùng nguyên liệu.

**3. Chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn và phát triển sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị, phù hợp với lợi thế về điều kiện sản xuất và yêu cầu thị trường**

Đẩy mạnh chuẩn hóa sản phẩm gắn với lợi thế và điều kiện của từng địa phương, bao gồm:

- Các đặc sản, sản phẩm truyền thống gắn với lợi thế về điều kiện sản xuất, giá trị văn hóa địa phương, đặc biệt là sản phẩm các làng nghề, nghề truyền thống, dịch vụ du lịch nông thôn.

- Các sản phẩm mới hình thành dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ, nền tảng lợi thế của địa phương, có chất lượng nổi trội, đặc sắc, trong đó ưu tiên: (i)

Sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống được nghệ nhân, cộng đồng sáng tạo; (ii) Sản phẩm được chế biến, chế biến sâu từ sản phẩm đặc sản, nguyên liệu địa phương và tri thức bản địa; (iii) Sản phẩm có đóng góp vào bảo tồn văn hóa truyền thống.

Phát triển sản phẩm OCOP theo 6 nhóm, ưu tiên các sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ đặc sắc, truyền thống và có lợi thế ở mỗi địa phương, theo hướng phát huy nội lực (trí tuệ sáng tạo, lao động, nguyên liệu, văn hóa địa phương...), gia tăng giá trị, gắn với phát triển cộng đồng:

- Đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới, hoàn thiện công nghệ, quy trình sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm OCOP.

- Sản xuất theo quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, hình thành các sản phẩm OCOP đặc trưng, chất lượng và an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường, đáp ứng yêu cầu của thị trường; xây dựng các mô hình phát triển vùng nguyên liệu gắn với sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị.

- Xây dựng các mô hình dịch vụ du lịch trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn gắn với vùng nguyên liệu, sản phẩm OCOP đặc trưng theo vùng, miền và dân tộc.

Nâng cấp và hoàn thiện sản phẩm đã được đánh giá, phân hạng (đạt 3 sao trở lên) gắn với nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

**4. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động cho các chủ thể OCOP**

Tăng cường nâng cao năng lực cho chủ thể OCOP về năng lực cộng đồng và tinh thần hợp tác; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, kỹ năng quản trị; đổi mới, sáng tạo về sản phẩm; quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm; kỹ năng về thiết kế bao bì, ghi nhãn và mẫu mã sản phẩm; sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị, tăng cường sử dụng và khai thác thương hiệu cộng đồng các sản phẩm từ khu vực nông thôn.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn với chuỗi liên kết giá trị sản phẩm OCOP.

**5. Về quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu**

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu cho sản phẩm OCOP thông qua các hội chợ, triển lãm, sự kiện tôn vinh, quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP đặc sắc; thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm OCOP gắn với thị trường du lịch trọng điểm.

Thử nghiệm và nhân rộng mô hình điểm bán hàng OCOP; các mô hình xúc tiến thương mại trên nền tảng công nghệ số; các Trung tâm giới thiệu OCOP đồng bộ, hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, gắn với khai thác lợi thế về du lịch nông thôn.

Xây dựng hệ thống phân phối phù hợp, từng bước thiết lập hệ thống giới thiệu và bán sản phẩm OCOP riêng và đặc trưng gắn với các sản phẩm quà tặng, quà biếu, sản phẩm đặc sản địa phương.

**6. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản lý, giám sát sản phẩm OCOP**

Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thường niên, tăng cường áp dụng công nghệ số trong tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, giám sát sản phẩm OCOP sau khi được công nhận về chất lượng, an toàn thực phẩm, sử dụng thương hiệu sản phẩm OCOP, nhằm nâng cao nhận thực, trách nhiệm của các chủ thể đối với người tiêu dùng, đồng thời góp phần không để xảy ra tình trạng làm hàng giả, hàng nhái sản phẩm OCOP.

**7. Tăng cường chuyển đổi số**

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong truyền thông; xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm; số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm OCOP; hướng tới hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Chương trình.

Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm OCOP thông qua các sàn thương mại điện tử, các kênh bán hàng trực tuyến (online), bán hàng tương tác trực tiếp (livestream), đặc biệt cho các sản phẩm có quy mô nhỏ, sản phẩm đặc sản vùng miền, địa phương.

**8. Xây dựng các mô hình/dự án ưu tiên triển khai**

- Xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.

- Phát triển nhóm sản phẩm OCOP gắn với dịch vụ du lịch nông thôn.

- Thí điểm các mô hình phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với vùng nguyên liệu địa phương theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ.

**IV. NGUỒN VỐN VÀ CƠ CẤU HUY ĐỘNG VỐN**

1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình OCOP, bao gồm:

- Ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình OCOP giai đoạn 2023-2025 là **41.692 triệu đồng**, trong đó:

+ Vốn sự nghiệp (trung ương): 1.312 triệu đồng;

+ Vốn đầu tư phát triển: 6.180 triệu đồng (vốn tỉnh: 1.977 triệu đồng; vốn huyện: 4.203 triệu đồng);

+ Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác: 34.200 triệu đồng.

*(chi tiết phụ lục I, II kèm theo).*

- Nguồn vốn khác: Vốn tín dụng (bao gồm: vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội, vốn vay từ các tổ chức tín dụng khác, các quỹ đầu tư, quỹ phát triển doanh nghiệp, quỹ hỗ trợ phát triển HTX,...); vốn của các HTX, doanh nghiệp, hộ sản xuất tự huy động.

2. Kinh phí quản lý, giám sát thực hiện Chương trình ở các cấp: được trích từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM của các cấp được giao hàng năm.

3. Cơ chế tài chính của Chương trình: thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 và các quy định của pháp luật liên quan.

## V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức thường xuyên, liên tục thông qua các phương tiện thông tin đại chúng từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã; gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng NTM.

Tập trung nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy cho các tổ chức kinh tế khu vực nông thôn, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị phân phối, người tiêu dùng thông qua các hội nghị triển khai Chương trình OCOP; đa dạng hóa các hình thức truyền thông, qua các Cổng thông tin điện tử (website), truyền thông mạng xã hội, tạp chí, bản tin, chuyên đề, tài liệu (sổ tay, cẩm nang...).

Khuyến khích xây dựng các gói combo quà tặng, quà lưu niệm sản phẩm OCOP.

### 2. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ

Rà soát, ban hành nội dung, chính sách, mức hỗ trợ Chương trình OCOP theo từng hạng sao; ưu tiên hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm, hướng dẫn, xây dựng hồ sơ sản phẩm; khen thưởng sản phẩm OCOP.

### 3. Tổ chức bộ máy và đào tạo nguồn nhân lực

Hoàn thiện bộ máy tổ chức thực hiện Chương trình OCOP theo Quyết định số 148/QĐ-TTg.

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ triển khai Chương trình OCOP và chất lượng công tác đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh, huyện.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực về quản trị, marketing cho các bộ quản lý, điều hành của các doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở/hộ sản xuất; đào tạo kỹ năng làm nông nghiệp cho thanh niên, đào tạo lao động gắn với nhu cầu sản xuất sản phẩm OCOP.

### 4. Triển khai Chu trình OCOP thường niên

Tổ chức triển khai Chu trình OCOP thường niên linh hoạt, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của sản phẩm, phát huy các điều kiện về nguồn nguyên liệu, lao động địa phương, lợi thế về chất lượng sản phẩm.

### 5. Giải pháp về khoa học công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới, hoàn thiện công nghệ chế biến quy mô nhỏ và vừa, đặc biệt là các sản phẩm OCOP đã được công nhận đạt sao.

Tăng cường chuyển giao ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, kết nối thị trường, truy xuất nguồn gốc, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin; khoa học xã hội và nhân văn trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch nông thôn, bảo tồn giá trị văn hóa địa phương.

Thúc đẩy áp dụng các giải pháp về bảo hộ và khai thác hiệu quả giá trị tài sản trí tuệ (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận) cho sản phẩm OCOP.

**6. Huy động nguồn lực**

Ưu tiên huy động nguồn lực về vốn, đất đai, lao động, nguyên vật liệu, máy móc, công nghệ của chủ thể OCOP.

Lồng ghép hiệu quả các chương trình/đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội và chương trình, dự án khoa học công nghệ và các cơ chế, chính sách khác có liên quan.

Nhà nước hỗ trợ chủ thể OCOP tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng thông qua các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và chính sách hỗ trợ đặc thù của từng địa phương.

Lồng ghép hiệu quả nguồn kinh phí từ các chương trình khuyến nông, khuyến công và các chương trình, dự án khác có liên quan.

**7. Tăng cường vai trò của cộng đồng trong phát triển sản phẩm OCOP**

Nâng cao vai trò của các Hội/hiệp hội trong triển khai Chương trình OCOP, khai thác và phát triển sản phẩm của địa phương gắn với bảo tồn sản phẩm, kỹ năng truyền thống, danh tiếng của cộng đồng.

Đẩy mạnh giám sát của cộng đồng về sản phẩm, chất lượng sản phẩm, phát triển vùng nguyên liệu; duy trì sự đặc sắc, nét văn hóa của các sản phẩm địa phương; thúc đẩy sự tham gia và có cơ chế chia sẻ lợi ích phù hợp của cộng đồng vào sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP; phát triển vùng sản xuất nguyên liệu, sử dụng lao động địa phương.

**8. Công tác quản lý, chỉ đạo triển khai thực hiện**

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình; phát huy sức mạnh của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội với thực hiện chương trình theo từng nội dung cụ thể; tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân, các tổ chức kinh tế tham gia góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu kế hoạch.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Sở Nông nghiệp và PTNT**

Là cơ quan thường trực Chương trình OCOP; chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong việc tham mưu chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập, kiện toàn Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm cấp tỉnh; rà soát, kiểm tra, đánh giá phân hạng lại các sản phẩm đã hết hạn theo quy định và xem xét thu hồi sản phẩm OCOP chưa đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm so với quy định.

- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo giai đoạn và hàng năm; hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình.

- Tổ chức triển khai Chu trình OCOP thường niên linh hoạt, phù hợp với điều kiện của từng địa phương và đặc điểm của sản phẩm.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh quy định cụ thể về nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ của từng nội dung, đối tượng được hỗ trợ giai đoạn 2023 - 2025 phù hợp với nội dung, định mức hỗ trợ của trung ương và điều kiện của tỉnh.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn thực hiện Chương trình từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 – 2025 theo đúng quy định và phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn.

**3. Sở Tài chính**

Tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình trong kế hoạch kinh phí sự nghiệp của Chương trình MTQG xây dựng NTM hàng năm để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**4. Sở Công Thương**

Hướng dẫn, hỗ trợ cơ sở sản xuất tham gia Chương trình tiếp cận nguồn kinh phí khuyến công theo quy định; tổ chức quản lý, điều phối các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm OCOP (hội chợ, triển lãm...); cập nhật thông tin thị trường trong nước và quốc tế liên quan đến sản phẩm OCOP; phối hợp phát triển các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trong và ngoài tỉnh.

**5. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn xây dựng, công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm OCOP thuộc lĩnh vực quản lý.

Chủ trì hướng dẫn các đơn vị sản xuất thực hiện về ghi nhãn hàng hoá, mẫu mã bao bì, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá đã được bảo hộ đảm bảo đúng quy định; hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm OCOP.

**6. Sở Y tế**

Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm OCOP thực hiện các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm như tự công bố sản phẩm; đăng ký bản công bố sản phẩm đảm bảo theo quy định; thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và tiêu chuẩn chất lượng đánh giá tác dụng của các sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu,…

**7. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

Phối hợp với các sở, ngành, địa phương hỗ trợ các tổ chức, cá nhân phát triển, quảng bá, xúc tiến sản phẩm du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với Chương trình trên cơ sở phát huy thế mạnh về danh lam thắng cảnh, truyền thống văn hoá của các địa phương; quảng bá, xúc tiến mở rộng các tour, tuyến du lịch kết nối với các trung tâm, các vùng sản xuất sản phẩm OCOP; phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm OCOP tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

**8. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở thường xuyên tuyên truyền, triển khai thực hiện Chương trình; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền Chương trình trên các nền tảng số do Sở quản lý.

Phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong thực hiện Chương trình.

**9. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh**

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tập trung nguồn vốn cho vay đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất tham gia Chương trình tiếp cận vốn vay phục vụ phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế của từng địa phương.

**10. Liên minh HTX tỉnh**

Hỗ trợ các nhóm hộ gia đình, tổ hợp tác tham gia OCOP hình thành và phát triển HTX; tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các HTX tham gia Chương trình.

**11. Các Sở, ban, ngành liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, cụ thể hoá các nhiệm vụ của Chương trình gắn với lĩnh vực phụ trách của ngành.

Tổ chức triển khai kế hoạch quảng bá, kết nối thương mại và nâng cao hình ảnh thương hiệu cho các sản phẩm OCOP, ưu tiên các sự kiện gắn với quảng bá, giới thiệu văn hóa, du lịch đặc sắc của địa phương.

Hỗ trợ xây dựng và hình thành các "Điểm đến"quảng bá, nâng cao thương hiệu sản phẩm OCOP (điểm OCOP, cà phê OCOP, tuyến phố OCOP, công viên sáng tạo OCOP,...) gắn với các hoạt động văn hóa, du lịch có lợi thế. Ưu tiên sử dụng sản phẩm OCOP làm quà tặng, quà biếu trong các hoạt động đối ngoại, các sự kiện của tỉnh theo quy định.

**12. Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình**

Tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa và yêu cầu của Chương trình OCOP, nhất là việc phát huy nội lực (trí tuệ, sự sáng tạo của chủ thể OCOP; giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ sử dụng nguyên liệu địa phương và giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa địa phương) và gia tăng giá trị nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy cho các chủ thể OCOP, cán bộ, cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị phân phối, người tiêu dùng về chất lượng, thương hiệu của sản phẩm OCOP theo hướng: "Phát huy giá trị tài nguyên bản địa, truyền tải về văn hóa, tri thức dân gian của địa phương"; phản ánh các hoạt động về quá trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP và công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm OCOP trên địa bàn.

**13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp**

Đẩy mạnh công tác vận động hội viên, nhân dân tích cực tham gia Chương trình gắn với xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; đa dạng hóa hơn các hình thức tuyên truyền về Chương trình OCOP thông qua các ấn phẩm, hội nghị, tọa đàm, diễn đàn, hội thi tìm hiểu... Từ đó, góp phần tôn vinh các giá trị đích thực tốt đẹp của Chương trình OCOP tới người dân; chia sẻ về cách làm hay, sáng tạo trong phát triển sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm OCOP gắn với giữ gìn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa địa phương.

**14. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

Chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn cấp huyện; giao nhiệm vụ cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách và các cơ quan phối hợp triển khai thực hiện Chương trình; thành lập, kiện toàn Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thường niên ở cấp huyện; tổ chức đánh giá sản phẩm cấp huyện để chọn sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng tại cấp tỉnh.

Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình theo giai đoạn và hàng năm; hướng dẫn, chỉ đạo cấp xã triển khai thực hiện Chương trình theo Kế hoạch của UBND cấp huyện.

Sử dụng, lồng ghép nguồn vốn thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025, vốn khoa học công nghệ, khuyến công, khuyến nông, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ, triển khai thực hiện Chương trình.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Chương trình; triển khai các bước theo quy định của Chu trình OCOP; hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất tham gia Chương trình.

**15. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, HTX, tổ hợp tác, các hộ sản xuất kinh doanh tham gia Chương trình**

Đăng ký tham gia tự nguyện trên cơ sở sản phẩm hiện có hoặc ý tưởng mới phù hợp với tiêu chí của Chương trình.

Đề xuất nhu cầu hỗ trợ cụ thể và tham gia tích cực các hoạt động tập huấn, đào tạo của Chương trình để nâng cấp, hoàn thiện tổ chức sản xuất, hoàn thiện sản phẩm.

Hoàn thiện hồ sơ đăng ký, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phương án phát triển sản phẩm theo hướng dẫn của Chu trình OCOP thường niên, tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm để được hưởng các chính sách hỗ trợ tương ứng.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025, đề nghị các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này./.

***Nơi nhận:***
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VPĐP NTM Trung ương;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH, Báo Tây Ninh;
- LĐVP-CVK;
- Lưu VT, VP UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Trần Văn Chiến

**Phụ lục I**

# KHÁI TOÁN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM GIAI ĐOẠN 2023-2025

*(Kèm theo Kế hoạch số 2454 /KH-UBND ngày 04/ 8/ 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| STT | Hoạt động chính | Tổng vốn NSNN | Ngân sách nhà nước (triệu đồng) | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Vốn sự nghiệp | | | Vốn đầu tư phát triển | | | Vốn lồng ghép | |
| | | | Trung ương | Tỉnh | Huyện | Trung ương | Tỉnh | Huyện | | |
| 1 | Triển khai chu trình OCOP thường niên | **1,112** | 1,112 | | | | | | | |
| 2 | Dự án ưu tiên đầu tư | **6,180** | | | | | 1,977 | 4,203 | | Theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2020 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025. |
| 3 | Xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP | **1,200** | | | | | | | 1,200 | Thực hiện vốn lồng ghép Chương trình xúc tiến Đầu tư hàng năm của tỉnh. |

| STT | Hoạt động chính | Tổng vốn NSNN | Ngân sách nhà nước (triệu đồng) | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Vốn sự nghiệp | | | Vốn đầu tư phát triển | | | Vốn lồng ghép | |
| | | | Trung ương | Tỉnh | Huyện | Trung ương | Tỉnh | Huyện | | |
| 4 | Chi phí hỗ trợ thực hiện các chính sách | **33,000** | | | | | | | 33,000 | Thực hiện lồng ghép (Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh hỗ trợ kinh phí thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, NNUDCNC, nông nghiệp hữu cơ) . |
| 5 | Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình | **200** | 200 | | | | | | | |
| | **TỔNG CỘNG** | **41,692** | **1,312** | **0** | **0** | **0** | **1,977** | **4,203** | **34,200** | |

**Phụ lục II**

**KHÁI TOÁN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM THEO PHÂN KỲ HÀNG NĂM**

*(Kèm theo Kế hoạch số 2454 /KH-UBND ngày 04 / 8 / 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| STT | Hoạt động chính | Tổng vốn NSNN | Ngân sách nhà nước hàng năm (triệu đồng) | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | |
| 1 | Triển khai chu trình OCOP thường niên | **1,112** | 312 | 400 | 400 | |
| 2 | Dự án ưu tiên đầu tư | **6,180** | 2,472 | 1,854 | 1,854 | |
| 3 | Xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP | **1,200** | 400 | 400 | 400 | |
| 4 | Chi phí hỗ trợ thực hiện các chính sách | **33,000** | 11,000 | 11,000 | 11,000 | |
| 5 | Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình | **200** | | | 200 | |
| | **TỔNG CỘNG** | **41,692** | **14,184** | **13,654** | **13,854** | |